

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 116/2026/HS-PT.
Ngày: 21/7/2026.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vũ;

Các Thẩm phán: Ông Võ Thái Sơn;

Bà Lê Thị Thọ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Minh Nhựt - Thư ký viên Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Ngọc Lượm - Kiểm sát viên.

Ngày 21/7/2026, tại Phòng xét xử số 02 - trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ (Số A, đường N, phường A, thành phố Cần Thơ), xét xử phúc thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 138/2026/TLPT-HS ngày 03/7/2026 đối với các bị cáo Đỗ Quang T, Trần Hùng V và Trần Hùng D do có kháng cáo của các bị cáo Đỗ Quang T, Trần Hùng V và Trần Hùng D đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2026/HS-ST ngày 21/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực x - Cần Thơ.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Đỗ Quang T; tên gọi khác: Trung A; sinh ngày: 18/7/1984; nơi sinh: thành phố Cần Thơ; nơi cư trú: ấp V, xã V, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Thanh D1 và bà Đoàn Ngọc H; có vợ là bà Trần Thị D2, sinh năm 1984 và có 02 người con, người con lớn sinh năm 2002, người con nhỏ sinh năm 2004; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/11/2025 cho đến nay. (có mặt)

2. Trần Hùng V; sinh ngày: 08/9/1976; nơi sinh: tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp V, xã V, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H1 và bà Đào Thị L; chung sống như vợ chồng với bà Lý Thị Kim L1 nhưng không có đăng ký kết hôn; trước đây chung sống như vợ chồng với bà L2 (không nhớ rõ họ tên) nhưng không có đăng ký kết hôn và có 02 người con, người con lớn sinh năm 1997, người con nhỏ sinh năm 1998; tiền án: không; tiền sự:

không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/11/2025 cho đến nay. (có mặt)

3. Trần Hùng D; tên gọi khác: Vàng; sinh ngày: 09/8/1979; nơi sinh: tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp V, xã V, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H1 và bà Đào Thị L; có vợ là bà Huỳnh Thị Thúy D3, sinh năm 1986 và có 02 người con, người con lớn sinh năm 2008, người con nhỏ sinh năm 2009; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/11/2025 cho đến nay. (có mặt)

- Những người dưới đây không liên quan đến kháng cáo Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập gồm: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Trương Minh H2 (tên gọi khác: Bé B), Lê Thành T1, Phạm Văn V1, Nguyễn Thành T2, Nguyễn Tuấn D4, Nguyễn Văn T3, Đỗ Văn H3, Huỳnh Thị Kim V2, Hồ Văn M, Huỳnh Thị Thúy D3, Lý Thị Kim L1; người làm chứng Đỗ Trung E.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc khoảng 16 giờ 30 phút ngày 11/9/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C tiến hành khám xét khẩn cấp trên người và chỗ ở đối với các bị cáo Trần Hùng V và Trần Hùng D tại nhà thuộc tổ B, ấp V, xã V, thành phố Cần Thơ. Cơ quan điều tra thu giữ được vật chứng và tài sản tại nhà của bị cáo V gồm: 06 (sáu) tờ giấy ghi nội dung các con số đề; 02 (hai) điện thoại di động các loại đã qua sử dụng trong đó gồm 01 điện thoại di động hiệu Redmi Note 12 và 01 điện thoại di động hiệu Redmi Note 9S; 02 (hai) bút bi đã qua sử dụng; 01 (một) cuốn tập đã qua sử dụng; 34.610.000 đồng. Cơ quan điều tra thu giữ được vật chứng và tài sản tại nhà của bị cáo D gồm: 06 (sáu) tờ giấy các loại ghi nội dung các con số đề ngày 11/9/2025; 01 (một) bút bi xanh qua sử dụng, có chữ T5 kí hiệu TL-08; 01 (một) bút bi đỏ qua sử dụng, có chữ T5 kí hiệu TL-08; 01 (một) điện thoại di động OPPO A55 màu đen đã qua sử dụng, số IMEI 866787050328793; 01 (một) điện thoại di động Iphone XS max màu vàng đã qua sử dụng, số IMEI 357268098432877, có gắn sim số 0345448867; 13.984.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo Đỗ Quang T giao nộp 01 điện thoại di động hiệu OPPO Reno 12F 5G màu xanh lá.

Các bị cáo D và V đã khai nhận ghi bán số đề theo kết quả xổ số kiến thiết của các đài M, Miền T4 và nộp cho thầu trên là Đỗ Quang T để hưởng huê hồng và giữ lại một phần các con số đã bán để ăn thua trực tiếp với người mua số đề. Hàng ngày, các bị cáo D và V bán số đề trực tiếp và qua mạng xã hội Zalo với hình thức ghi bán lô A, lô B, bao lô 02 con số. Tỷ lệ ăn thua đối với lô A, lô B và bao lô 02 con số 1.000 đồng trúng thưởng 80.000 đồng.

Vào ngày 11/9/2025, bị cáo D ghi bán số đề các đài An Giang, Tây Ninh và Bình Thuận với tổng số tiền bán và tiền trúng thưởng là 13.175.000 đồng, cụ thể

như sau: đài An Giang tổng số tiền là 9.815.000 đồng (trong đó, tiền bán số đề 5.095.000 đồng và tiền trúng thưởng 4.720.000 đồng); đài Tây Ninh tổng số tiền là 2.120.000 đồng (trong đó, tiền bán số đề 840.000 đồng và tiền trúng thưởng 1.280.000 đồng); đài B1 tổng số tiền là 1.240.000 đồng (trong đó, tiền bán số đề 840.000 đồng và tiền trúng thưởng 400.000 đồng). Bị cáo D bán số đề của đài A1 tổng số tiền mua và tiền trúng thưởng là 9.815.000 đồng, bị cáo D trực tiếp mua số đề và trúng thưởng được 685.000 đồng còn lại 9.130.000 đồng bán cho Huỳnh Thị Kim V2 1.420.000 đồng, trúng thưởng 560.000 đồng; Nguyễn Tuấn D4 200.000 đồng, trúng thưởng 4.000.000 đồng; Hồ Văn M 2.000.000 đồng, không trúng thưởng; Phạm Văn V1 50.000 đồng, không trúng; Nguyễn Thành T2 200.000 đồng, không trúng thưởng; Lê Thành T1 500.000 đồng, không trúng thưởng; Trương Minh H2 200.000 đồng, không trúng thưởng. Bị cáo D bán số đề của đài Tây N tổng số tiền mua và tiền trúng là 2.120.000 đồng trong đó bị cáo D giữ lại trực tiếp ăn thua với Huỳnh Thị Kim V2 700.000 đồng (trong đó, chiết ra 40.000 đồng nộp cho bị cáo T), tiền trúng 960.000 đồng; còn lại tiền mua số đề và tiền trúng thưởng 460.000 đồng bị cáo D không nhớ bán cho ai. Bị cáo D bán số đề của đài B1 bán 840.000 đồng, trúng thưởng 400.000 đồng trong đó bán cho Huỳnh Thị Kim V2 700.000 đồng (trong đó, chiết ra 40.000 đồng nộp cho bị cáo T), còn 140.000 đồng tiền mua số đề và 400.000 đồng tiền trúng thưởng bị cáo D không nhớ bán cho ai. Đối với số tiền 9.815.000 đồng của đài A (trong đó, tiền bán số đề 5.095.000 đồng, tiền trúng thưởng 4.720.000 đồng) bị cáo D giao cho bị cáo T 5.550.000 đồng (trong đó, tiền bán số đề 3.150.000 đồng tiền trúng 2.400.000 đồng), còn giữ lại 4.265.000 đồng (trong đó, tiền mua số đề là 1.945.000 đồng, tiền trúng là 2.320.000 đồng) và nộp 80.000 đồng (đài Tây Ninh 40.000 đồng và Bình Thuận 40.000 đồng). Tổng số tiền bị cáo D giao cho bị cáo T là 5.630.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo D thừa nhận khi bị Công an bắt quả tang ngày 11/9/2025 là đã có kết quả xổ số gần xong, các con số trúng thưởng của đài A1 với tổng số tiền 4.720.000 đồng. Trong đó, số tiền trúng thưởng của các số đề đã giao cho bị cáo T là 2.400.000 đồng và số tiền trúng thưởng của các số bị cáo giữ lại 2.320.000 đồng. Khi có kết quả xổ số thì các con số trúng thưởng bị cáo có làm dấu chấm viết đỏ trong 06 tờ phôi đề. Ngoài ra, bị cáo D thừa nhận và tự nguyện nộp số tiền thu lợi bất chính là 10.000.000 đồng để sung vào Ngân sách nhà nước.

Vào ngày 11/9/2025, bị cáo V ghi bán số đề các đài An Giang, Tây Ninh và Bình Thuận với tổng số tiền bán và tiền trúng thưởng là 15.200.000 đồng, cụ thể như sau: đài An Giang tổng số tiền 12.600.000 đồng (trong đó, tiền bán đề 3.000.000 đồng, tiền trúng thưởng 9.600.000 đồng); đài Tây Ninh 1.300.000 đồng, không trúng thưởng; đài Bình Thuận 1.300.000 đồng, không trúng thưởng. Bị cáo V trực tiếp đánh ăn thua với thầu trên là bị cáo T và trúng thưởng 9.600.000 đồng, còn 2.600.000 đồng bị cáo V đã ghi bán cho Hồ Văn M 800.000 đồng, không trúng thưởng; Nguyễn Văn T3 150.000 đồng, không trúng thưởng; Đỗ Văn H3 350.000 đồng, không trúng thưởng và bán cho một người tên “Dã” không rõ họ tên và địa chỉ với số tiền 1.300.000 đồng, không trúng thưởng; Bán số đề đài Tây Ninh 1.300.000 đồng cho Hồ Văn M 800.000 đồng, không trúng thưởng,

Nguyễn Văn T3 150.000 đồng, không trúng thưởng; Đỗ Văn H3 350.000 đồng, không trúng thưởng. Bán số đề đài Bình Thuận 1.300.000 đồng cho Hồ Văn M 800.000 đồng, không trúng thưởng; Nguyễn Văn T3 150.000 đồng, không trúng thưởng; Đỗ Văn H3 350.000 đồng, không trúng thưởng. Đối với số tiền bán đề các đài An Giang, Tây Ninh, Bình Thuận thì bị cáo V giao hết cho thầu đề là bị cáo T và tính luôn tiền trúng thưởng tổng cộng là 15.200.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo V thừa nhận khi bị Công an bắt quả tang vào khoảng 16 giờ 30 ngày 11/9/2025, lúc này bị cáo đang ngồi nghe kết quả xổ số trúng thưởng đài An Giang lô A số 18 của bị cáo đánh ăn thua trực tiếp với bị cáo T đã có kết quả trúng được số tiền là 9.600.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo V thừa nhận ghi bán số đề khi bị bắt tiền thu lợi bất chính là tiền 3.000.000 đồng đã nộp theo Biên lai số 0001142 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ ngày 10/4/2026.

Đối với bị cáo T là thầu trên của các bị cáo D và V. Các bị cáo V và D nộp phôi đề để hưởng huê hồng từ bị cáo T. Tổng số tiền bán đề và trúng thưởng ngày 11/9/2025 mà bị cáo T đã nhận phôi của bị cáo D là 5.630.000 đồng (trong đó, đài A1 tổng số tiền là 5.550.000 đồng gồm tiền bán số đề 3.150.000 đồng và trúng thưởng 2.400.000 đồng; đài Tây Ninh bán 40.000 đồng không trúng thưởng và đài B1 bán 40.000 đồng không trúng thưởng). Bị cáo V giao phôi đề cho bị cáo T là 15.200.000 đồng (trong đó, đài A1 tổng số tiền là 12.600.000 đồng gồm tiền bán 3.000.000 đồng, trúng thưởng 9.600.000 đồng; đài Tây Ninh bán 1.300.000 đồng không trúng thưởng; đài B1 bán 1.300.000 đồng, không trúng thưởng). Tổng số tiền bán đề nhận và trúng thưởng của các bị cáo D và V là 20.830.000 đồng, trong đó đài An Giang tiền bán số đề và trúng thưởng là 18.150.000 đồng; đài Bình Thuận tiền bán số đề là 1.340.000 đồng, không trúng thưởng; đài Tây Ninh tiền mua là 1.340.000 đồng, không trúng thưởng. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo T thừa nhận đã nhận các phôi đề của các bị cáo D và V vào khoảng 15 giờ 50 phút ngày 11/9/2025 và đã xác nhận đồng ý nhận các phôi đề của bị cáo D và V. Khi bị cáo đang ngồi nghe kết quả xổ số các đài thì bị Công an bắt quả tang đã có kết quả trúng thưởng của các đài theo các phôi đề bị cáo V, D giao cho bị cáo T.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2026/HS-ST ngày 21/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực x - Cần Thơ quyết định như sau:

- Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2024, 2025) đối với bị cáo Đỗ Quang T.

- Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2024, 2025) đối với bị cáo Trần Hùng V.

- Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2024, 2025) đối với bị cáo Trần Hùng D.

- Tuyên bố các bị cáo Đỗ Quang T, Trần Hùng V và Trần Hùng D phạm tội “Đánh bạc”.

- Xử phạt bị cáo Đỗ Quang T 08 (tám) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án. Phạt bổ sung bị cáo Đỗ Quang T số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

- Xử phạt bị cáo Trần Hùng V 07 (bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án. Phạt bổ sung bị cáo Trần Hùng V số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

- Xử phạt bị cáo Trần Hùng D 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án. Phạt bổ sung bị cáo Trần Hùng D số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, về án phí, về quyền kháng cáo của các bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

* Ngày 02/6/2026, các bị cáo Đỗ Quang T, Trần Hùng V và Trần Hùng D nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo Đỗ Quang T, Trần Hùng V và Trần Hùng D giữ nguyên nội dung kháng cáo theo đơn kháng cáo, xin Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ về việc giải quyết vụ án: Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận các bị cáo Đỗ Quang T, Trần Hùng D và Trần Hùng V phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2024, 2025) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm xác định các bị cáo có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; áp dụng đối với các bị cáo T, D và V các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2024, 2025), riêng các bị cáo D và V tự nguyện nộp lại tiền thu lợi bất chính nên áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2024, 2025) là đúng quy định của pháp luật. Xét Hội đồng xét xử sơ thẩm xử phạt bị cáo T 08 tháng tù và phạt bổ sung số tiền 15.000.000 đồng; xử phạt bị cáo V 07 tháng tù và phạt bổ sung số tiền 10.000.000 đồng; xử phạt bị cáo D 06 tháng tù và phạt bổ sung số tiền 10.000.000 đồng là phù hợp, tương xứng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, đặc điểm nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với các bị cáo. Xét các bị cáo bị phạt tù không quá 03 năm, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có nơi cư trú rõ ràng là có đủ điều kiện để có thể được xem xét cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2024, 2025) và các bị cáo đã thể hiện thái độ ăn năn hối cải, đã tự nguyện nộp tiền phạt bổ sung theo quyết định của Bản án sơ thẩm nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận cho các bị cáo T, V và D hưởng án treo. Từ những cơ sở trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc

thẩm căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2021, 2024, 2025), chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đỗ Quang T, Trần Hùng V và Trần Hùng D5, sửa bản án sơ thẩm, cho các bị cáo T, V và D5 hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

- Nói lời sau cùng tại phiên tòa phúc thẩm: các bị cáo Đỗ Quang T, Trần Hùng V và Trần Hùng D5 xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của các bị cáo Đỗ Quang T, Trần Hùng V và Trần Hùng D lập và nộp tại Tòa án cấp sơ thẩm vào ngày 02/6/2026 là đúng quy định của pháp luật về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định tại các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2021, 2024, 2025). Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo T, V và D giữ nguyên nội dung kháng cáo theo đơn kháng cáo. Căn cứ vào Điều 345 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2021, 2024, 2025), Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo của các bị cáo T, V và D, về việc xin hưởng án treo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo Đỗ Quang T, Trần Hùng V và Trần Hùng D như sau: Ngày 11/9/2025, các bị cáo Trần Hùng V, Trần Hùng D bị lực lượng Công an bắt về hành vi đánh bạc thông qua hình thức ghi bán số đề theo kết quả của xổ số kiến thiết các đài miền N, miền T và giao lại 01 phần phoi đề cho thầu trên là bị cáo Đỗ Quang T. Trong đó, bị cáo D ghi bán số đề theo kết quả của xổ số kiến thiết các đài An Giang, Tây N và Bình Thuận với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 13.175.000 đồng; bị cáo V ghi bán số đề theo kết quả của xổ số kiến thiết các đài An Giang, Tây N và Bình Thuận với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 15.200.000 đồng. Bị cáo T là thầu trên của các bị cáo V và D, bị cáo T đã nhận phoi đề từ các bị cáo V và D với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 20.830.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận các bị cáo Đỗ Quang T, Trần Hùng V và Trần Hùng D phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2024, 2025) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo Đỗ Quang T, Trần Hùng V và Trần Hùng D, về việc xin hưởng án treo: Khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định các bị cáo T, V và D là người có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo V và D tự nguyện nộp lại tiền thu lợi bất chính, từ đó Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, điểm s khoản

1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2024, 2025) là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T xác định có thường xuyên tham gia làm thiện nguyện tại địa phương; các bị cáo V và D xác định có thường xuyên làm thiện nguyện tại địa phương, gia đình các bị cáo là gia đình có công với cách mạng nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh nên không có căn cứ áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo T, V và D đã nộp tiền phạt bổ sung và án phí hình sự sơ thẩm theo quyết định của Bản án sơ thẩm, điều này thể hiện thái độ ăn năn hối cải của các bị cáo nhưng không phải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới phát sinh mà Hội đồng xét xử sơ thẩm chưa áp dụng đối với các bị cáo. Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định không còn tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào đáng lẽ các bị cáo được hưởng nhưng Hội đồng xét xử sơ thẩm chưa áp dụng đối với các bị cáo. Xét Hội đồng xét xử sơ thẩm xử phạt bị cáo T mức án 08 tháng tù và phạt bổ sung số tiền 15.000.000 đồng; xử phạt bị cáo V mức án 07 tháng tù và phạt bổ sung số tiền 10.000.000 đồng và xử phạt bị cáo D mức án 06 tháng tù và phạt bổ sung số tiền 10.000.000 đồng là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, vai trò, đặc điểm nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với các bị cáo. Xét các bị cáo T, V và D bị xử phạt tù không quá 03 năm, có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2024, 2025), có nơi cư trú rõ ràng là có đủ điều kiện để được xem xét cho hưởng án treo. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo đã nộp tiền phạt bổ sung và án phí hình sự sơ thẩm theo quyết định của Bản án sơ thẩm, điều này thể hiện thái độ ăn năn hối cải của các bị cáo. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy các bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho các bị cáo hưởng án treo không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do vậy, căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2021, 2024, 2025), Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo T, V và D, sửa quyết định về hình phạt đối với các bị cáo của bản án sơ thẩm, cho các bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

[4] Giao cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án đối với số tiền mà các bị cáo đã nộp sau khi xét xử sơ thẩm gồm: bị cáo T nộp số tiền là 15.200.000 đồng; bị cáo V nộp số tiền là 10.200.000 đồng và bị cáo D nộp số tiền là 10.200.000 đồng.

[5] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2021, 2024, 2025) và điểm h khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do kháng cáo được chấp

nhận nên các bị cáo Đỗ Quang T, Trần Hùng V và Trần Hùng D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2021, 2024, 2025).

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đỗ Quang T (tên gọi khác: Trung A), Trần Hùng V và Trần Hùng D (tên gọi khác: V3), về việc xin hưởng án treo.

Sửa quyết định hình phạt đối với các bị cáo Đỗ Quang T (tên gọi khác: Trung A), Trần Hùng V và Trần Hùng D (tên gọi khác: Vàng) của Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2026/HS-ST ngày 21/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực x - Cần Thơ.

2. Căn cứ vào: khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 17; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2024, 2025) đối với bị cáo Đỗ Quang T (tên gọi khác: Trung A).

- Xử phạt bị cáo Đỗ Quang T (tên gọi khác: Trung A) 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc” và 01 (một) năm 04 (bốn) tháng thử thách, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm là ngày 21/7/2026. Giao bị cáo Đỗ Quang T (tên gọi khác: Trung A) cho Ủy ban nhân dân xã V, thành phố Cần Thơ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Đỗ Quang T (tên gọi khác: Trung A) thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 87 và Điều 66 của Luật Thi hành án hình sự năm 2025. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Đỗ Quang T (tên gọi khác: Trung A) cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự năm 2025 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Phạt tiền bổ sung bị cáo Đỗ Quang T (tên gọi khác: Trung A) 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

3. Căn cứ vào: khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 17; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2024, 2025) đối với bị cáo Trần Hùng V.

- Xử phạt bị cáo Trần Hùng V 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc” và 01 (một) năm 02 (hai) tháng thử thách, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm là ngày 21/7/2026. Giao bị cáo Trần Hùng V cho Ủy ban nhân dân xã V, thành phố Cần Thơ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Trần Hùng V thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy

định tại khoản 3 Điều 87 và Điều 66 của Luật Thi hành án hình sự năm 2025. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Trần Hùng V cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự năm 2025 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Phạt tiền bổ sung bị cáo Trần Hùng V 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

4. Căn cứ vào: khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 17; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2024, 2025) đối với bị cáo Trần Hùng D (tên gọi khác: V3).

- Xử phạt bị cáo Trần Hùng D (tên gọi khác: V3) 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc” và 01 (một) năm thử thách, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm là ngày 21/7/2026. Giao bị cáo Trần Hùng D (tên gọi khác: V3) cho Ủy ban nhân dân xã V, thành phố Cần Thơ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Trần Hùng D (tên gọi khác: V3) thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 87 và Điều 66 của Luật Thi hành án hình sự năm 2025. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Trần Hùng D (tên gọi khác: Vàng) cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự năm 2025 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Phạt tiền bổ sung bị cáo Trần Hùng D (tên gọi khác: V3) 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

5. Giao cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án đối với số tiền mà các bị cáo Đỗ Quang T, Trần Hùng V và Trần Hùng D đã nộp sau khi xét xử sơ thẩm gồm: bị cáo Đỗ Quang T nộp số tiền là 15.200.000 đồng (mười lăm triệu, hai trăm ngàn đồng) theo các Biên lai thu tiền số 0000276 và 0000277 ngày 21/7/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ (do Đỗ Đức H4 nộp thay); bị cáo Trần Hùng V nộp số tiền là 10.200.000 đồng (mười triệu, hai trăm ngàn đồng) theo các Biên lai thu tiền số 0000278, 0000279, 0000282 và 0000283 ngày 21/7/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ (do Lý Thị Kim L1 nộp thay) và bị cáo Trần Hùng D nộp số tiền là 10.200.000 đồng (mười triệu, hai trăm ngàn đồng) theo các Biên lai thu tiền số 0000280 và 0000281 ngày 21/7/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ (do Nguyễn Thị Thúy D6 nộp thay).

6. Về án phí phúc thẩm:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2021, 2024, 2025) và điểm h khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Các bị cáo Đỗ Quang T (tên gọi khác: Trung A), Trần Hùng V và Trần Hùng D (tên gọi khác: V3) không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

7. Các phần Quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GD, KT 1-TANDTC (01);
- VKSND TP. Cần Thơ (01);
- THADS TP. Cần Thơ (01);
- CQCSĐT-Công an TP. Cần Thơ (03);
- CQTHAHS-Công an TP. Cần Thơ (01);
- TAND khu vực x-Cần Thơ (03);
- VKSND khu vực x-Cần Thơ (01);
- Phòng THADS khu vực x-Cần Thơ (01);
- UBND, Công an xã V (02);
- Bị cáo (03);
- Người TGT khác (11);
- P.GD, KT, TTr & THA-TAND TP. CT (01);
- Phòng HSNV-Công an TP. Cần Thơ (01);
- Lưu HSVA, THS (04).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Lê Thanh Vũ